

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN HÀ SÀI GÒN**

Số: 14/2021/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất kiểm toán năm 2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2021 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số: 16/GTHSH/CV
V/v "giải trình chênh lệch về
số liệu BCTC Hợp nhất sau
kiểm toán năm 2020"

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**



Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2020, chúng tôi xin được giải trình một số biến đổi so với báo cáo tài chính chúng tôi đã công bố như sau:

Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2020 như sau:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** giảm 4.419.917.156 đồng. Nguyên nhân:
 - + Giảm 8.084.178.422 đ chưa khử bút toán hàng bán bị trả lại từ các chi nhánh tài khoản 511 và tài khoản 521
 - + Tăng 3.361.934.394 đ bút toán khử doanh thu, giá vốn của các Chi nhánh bán hàng qua lại với nhau của công ty con chu lai.
 - + Tăng 202.326.872 thu nhập từ bán phế liệu Công ty con Chu Lai phân loại nhầm tài khoản 511 sang tài khoản 711
- **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 8.081.17.422 đồng. Nguyên nhân do chưa khử bút toán hàng bán bị trả lại từ các chi nhánh tài khoản 511 và tài khoản 521
- **Giá Vốn hàng bán:** Tăng 3.866.888.873 đồng. Nguyên nhân:
 - + Điều chỉnh tăng giá vốn của công ty con Chu Lai 404.954.479 đồng.
 - + Chưa khử bút toán khử doanh thu, giá vốn của các Chi nhánh bán hàng qua lại với nhau của công ty con chu lai 3.361.934.394 đồng.
- **Lợi nhuận gộp:** Do biến động của giá vốn như trên nên dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 202.627.607 đồng.
- **Chi phí bán hàng :** Tăng 3.871.035 đồng. Thay đổi không đáng kể

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 2.921.336 đồng. Thay đổi không đáng kể
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế :** Do các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận kinh doanh tổng hợp trước thuế trong kỳ giảm 209.419.978 đồng.
- **Thu nhập khác :** Giảm 207.618.872đ. Nguyên nhân do thu nhập từ bán phế liệu Công ty con Chu Lai phân loại nhầm tài khoản 511 sang tài khoản 711.
- **Chi Phí Khác :** Giảm 5.292.000đ. Nguyên nhân do khử thu nhập khác và chi phí khác từ giao dịch bán tài sản.
- **Lợi nhuận khác :** Nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận khác giảm 202.326.827 đồng.
- **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 19.044.450 đồng. Nguyên nhân do lợi nhuận thay đổi.
- **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :** Với các thay đổi trên so với báo cáo tài chính Công ty đã công bố nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm: 392.702.400 đồng.



Trên đây là những giải trình những biến động trên báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cụ thể:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Số: 196/2021/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2020 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666- 2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		708.917.601.714	618.552.567.535
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	122.415.204.578	62.232.700.634
Tiền	111		122.415.204.578	62.232.700.634
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.383.099.318	267.632.658.862
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	306.366.401.627	263.180.426.221
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.487.859.017	3.740.752.141
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.672.025.151	2.441.984.965
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8	(2.148.126.478)	(1.735.444.466)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	5	272.324.952.557	286.342.753.566
Hàng tồn kho	141		272.324.952.557	286.342.753.566
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.794.345.261	2.344.454.473
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	2.140.082.704	1.677.460.456
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.211.167.712	444.090.440
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	443.094.845	222.903.577
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.492.750.600	188.895.589.990
Các khoản phải thu dài hạn	210		545.046.684	408.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	545.046.684	408.460.684
Tài sản cố định	220		140.641.381.480	137.370.772.239
Tài sản cố định hữu hình	221	9	91.409.203.989	88.136.435.397
- Nguyên giá	222		166.783.705.041	153.812.387.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.374.501.052)	(65.675.952.008)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	4.490.750.032	3.310.476.190
- Nguyên giá	225		5.254.881.818	3.520.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(764.131.786)	(209.523.810)
Tài sản cố định vô hình	227	11	44.741.427.459	45.923.860.652
- Nguyên giá	228		55.124.134.444	55.056.680.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.382.706.985)	(9.132.819.792)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.302.791.241	45.701.548.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.302.791.241	45.701.548.246
Tài sản dài hạn khác	260		9.003.531.195	5.414.808.821
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	8.458.775.977	5.333.644.624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		544.755.218	81.164.197
TỔNG TÀI SẢN	270		890.410.352.314	807.448.157.525

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		507.448.957.031	439.989.180.097
Nợ ngắn hạn	310		501.136.312.191	429.777.906.658
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	62.740.734.546	33.286.782.027
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.387.284.081	3.234.173.683
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.455.368.774	3.376.985.730
Phải trả người lao động	314		11.928.472.131	6.685.060.751
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	11.094.666.183	6.650.543.186
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	433.140.351	276.236.326
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	405.066.620.293	374.546.646.501
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.030.025.832	1.721.478.454
Nợ dài hạn	330		6.312.644.840	10.211.273.439
Phải trả dài hạn khác	337	14	291.919.000	299.738.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	6.020.725.840	9.911.535.439
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		382.961.395.283	367.458.977.428
Vốn chủ sở hữu	410	18	382.961.395.283	367.458.977.428
Vốn góp của chủ sở hữu	411		318.539.760.000	303.371.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		318.539.760.000	303.371.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.175.510.997	10.324.226.729
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.496.124.286	54.013.550.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		27.308.023.054	23.158.812.897
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.188.101.232	30.854.737.802
TỔNG NGUỒN VỐN	440		890.410.352.314	807.448.157.525



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng


Trần Thị Thu Hạnh
Người lập


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	969.397.452.767	901.397.925.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	35.096.764.450	37.364.375.347
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		934.300.688.317	864.033.549.760
Giá vốn hàng bán	11	21	792.628.160.933	729.974.679.519
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.672.527.384	134.058.870.241
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.067.945.465	2.876.460.700
Chi phí tài chính	22	23	26.308.232.035	25.593.722.900
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.753.403.830</i>	<i>25.281.119.974</i>
Chi phí bán hàng	25	24	64.460.757.987	56.508.994.781
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	24.911.091.308	20.919.526.085
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.060.391.519	33.913.087.175
Thu nhập khác	31	25	1.093.618.434	2.045.755.255
Chi phí khác	32	26	1.693.068.274	172.864.837
Lợi nhuận khác	40		(599.449.840)	1.872.890.418
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.460.941.679	35.785.977.593
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.736.431.468	5.009.233.398
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(463.591.021)	(77.993.607)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.188.101.232	30.854.737.802
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		25.188.101.232	30.854.737.802
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	828	1.082
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	828	1.082



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021


Nguyễn Văn Dũng
Kê toán trưởng


Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		28.460.941.679	35.785.977.593
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.197.952.029	13.806.187.940
Các khoản dự phòng	03		412.682.012	24.337.716
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(3.075.761)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		1.354.319.243	(178.340.565)
Chi phí lãi vay	06		25.753.403.830	25.367.301.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.179.298.793	74.802.388.392
(Tăng) các khoản phải thu	09		(44.287.123.518)	(38.285.425.341)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		27.387.144.361	2.770.125.013
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46.792.940.409	9.404.044.645
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		933.253.695	(2.720.715.946)
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.744.236.000)	(25.031.377.683)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.566.658.146)	(4.517.367.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.694.619.594	16.421.671.564
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.316.385.686)	(15.183.786.884)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		433.636.364	2.841.670.699
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		81.668.796	116.068.177
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.801.080.526)	(12.226.048.008)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tại chính				
Tiền thu từ đi vay	33		848.071.051.935	781.098.471.623
Tiền trả nợ gốc vay	34		(820.814.514.207)	(738.520.823.247)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(627.373.135)	(298.211.929)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.340.199.717)	(14.035.422.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.288.964.876	28.244.014.145
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		60.182.503.944	32.439.637.701
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	62.232.700.634	29.793.062.933
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	122.415.204.578	62.232.700.634



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 318.539.760.000 đồng (Ba trăm mười tám tỷ năm trăm ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đàng A, Xã Cour Đàng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 D, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đà Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 31/12/2020 Công ty có 300 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2019 là 299 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3. CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	6.786.359.739	3.058.232.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.628.844.839	59.174.467.802
	122.415.204.578	62.232.700.634

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	596.911.721	-	9.501.211.076	-
Nguyên liệu, vật liệu	123.292.667.205	-	124.352.607.946	-
Công cụ, dụng cụ	129.529.839	-	178.772.433	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.570.059.469	-	13.274.647.355	-
Thành phẩm	49.986.274.026	-	51.403.770.632	-
Hàng hóa	92.749.510.297	-	87.631.744.124	-
	272.324.952.557	-	286.342.753.566	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	2.140.082.704	1.677.460.456
- Chi phí trả trước về thuê kho	684.000.000	584.160.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	212.827.211	266.730.616
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.243.255.493	826.569.840
Dài hạn	8.458.775.977	5.333.644.624
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.052.190.869	1.240.809.943
- Chi phí sửa chữa	243.403.942	341.509.893
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	-	108.000.000
- Tiền thuê đất tại Cần Thơ	4.269.840.224	-
- Chi phí mua bảo hiểm	9.001.704	17.265.192
- Các khoản khác	1.884.339.238	3.626.059.596
	10.598.858.681	7.011.105.080

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thời Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	306.366.401.627	(1.748.126.478)	263.180.426.221	(1.735.444.466)
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	53.877.984.490	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	50.004.326.318	-	77.129.529.297	-
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	57.766.699.506	-	-	-
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	42.487.859.502	-	-	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	15.826.030.647	-	262.700.002	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	-	92.225.953.848	-
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	8.130.788.872	-	2.676.711.125	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	-	17.938.970.048	-
- Các đối tượng khác	73.232.028.168	(37.019.728)	4.845.675.249	-
Dài hạn	-	-	66.389.779.902	(24.337.716)
	306.366.401.627	(1.748.126.478)	263.180.426.221	(1.735.444.466)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan thuyết minh chi tiết tại mục 32.3	11.460.366.246	-	7.522.386.374	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.672.025.151	(400.000.000)	2.441.984.965	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.121.812.056	-	1.676.808.726	-
- Ký cược, ký quỹ	123.439.316	-	139.502.112	-
- Bảo hiểm xã hội	454.082.229	-	136.445.609	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	972.691.550	(400.000.000)	489.228.518	-
Dài hạn	545.046.684	-	408.460.684	-
- Ký cược, ký quỹ	545.046.684	-	408.460.684	-
	3.217.071.835	(400.000.000)	2.850.445.649	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2020	60.986.664.077	34.760.935.844	51.797.634.183	6.267.153.301	153.812.387.405
- Mua trong năm	6.670.104.545	1.149.980.000	2.688.900.000	6.038.209.091	16.547.193.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(64.708.000)	(3.511.168.000)	-	(3.575.876.000)
31/12/2020	67.656.768.622	35.846.207.844	50.975.366.183	12.305.362.392	166.783.705.041
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2020	(14.046.486.275)	(24.038.868.919)	(23.459.933.465)	(4.130.663.349)	(65.675.952.008)
- Khấu hao trong năm	(2.821.035.993)	(2.683.081.496)	(5.023.711.868)	(865.627.503)	(11.393.456.860)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.694.907.816	-	1.694.907.816
31/12/2020	(16.867.522.268)	(26.721.950.415)	(26.788.737.517)	(4.996.290.852)	(75.374.501.052)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2020	46.940.177.802	10.722.066.925	28.337.700.718	2.136.489.952	88.136.435.397
31/12/2020	50.789.246.354	9.124.257.429	24.186.628.666	7.309.071.540	91.409.203.989

Tại ngày 31/12/2020, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải tại văn phòng công ty có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 43.372.577.090 đồng và 21.906.097.744 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2020 là: 11.022.574.036 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 số tiền là: 24.569.817.628 đồng (tại 31/12/2019 số tiền là: 14.319.827.300 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2020	3.520.000.000	3.520.000.000
- Thuê TSCĐ thuê tài chính	1.734.881.818	1.734.881.818
31/12/2020	<u>5.254.881.818</u>	<u>5.254.881.818</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2020	(209.523.810)	(209.523.810)
- Khấu hao trong năm	(554.607.976)	(554.607.976)
31/12/2020	<u>(764.131.786)</u>	<u>(764.131.786)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2020	<u>3.310.476.190</u>	<u>3.310.476.190</u>
31/12/2020	<u>4.490.750.032</u>	<u>4.490.750.032</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2020	54.061.075.444	995.605.000	55.056.680.444
- Mua trong năm	-	67.454.000	67.454.000
31/12/2020	<u>54.061.075.444</u>	<u>1.063.059.000</u>	<u>55.124.134.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2020	(8.575.207.980)	(557.611.812)	(9.132.819.792)
- Khấu hao trong năm	(1.118.440.096)	(131.447.097)	(1.249.887.193)
31/12/2020	<u>(9.693.648.076)</u>	<u>(689.058.909)</u>	<u>(10.382.706.985)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2020	<u>45.485.867.464</u>	<u>437.993.188</u>	<u>45.923.860.652</u>
31/12/2020	<u>44.367.427.368</u>	<u>374.000.091</u>	<u>44.741.427.459</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 4.774.109.379 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 4.887.778.651 đồng).

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2020 là 110.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 110.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	31.072.093.700
- Xây dựng nhà máy Cần Thơ	177.970.268	4.000.000
- Chi phí sửa chữa tại Công ty Công nghiệp Sơn Hà	52.727.273	52.727.273
- Chi phí dây chuyền sản xuất linh kiện và phụ kiện	-	14.572.727.273
	31.302.791.241	45.701.548.246

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	11.094.666.183	6.650.543.186
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	7.569.296.998	1.959.895.403
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	3.041.094.297	4.190.081.112
- Chi phí lãi vay	484.274.888	500.566.671
Dài hạn	-	-
	11.094.666.183	6.650.543.186

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	433.140.351	276.236.326
- Tài sản thừa chờ giải quyết	24.107.205	110.804.490
- Kinh phí công đoàn	132.328.913	84.893.181
- Bảo hiểm xã hội	4.024.100	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	11.500.000	8.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	261.180.133	72.038.655
Dài hạn	291.919.000	299.738.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	291.919.000	299.738.000
	725.059.351	575.974.326

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	62.740.734.546	62.740.734.546	33.286.782.027	33.286.782.027
- Công ty TNHH Posco VST	6.721.278.808	6.721.278.808	7.152.337.272	7.152.337.272
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2.176.307.780	2.176.307.780	5.924.414.668	5.924.414.668
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	7.911.736.059	7.911.736.059	5.168.685.260	5.168.685.260
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	39.751.525.309	39.751.525.309	10.823.074.864	10.823.074.864
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	545.308.307	545.308.307	229.100.047	229.100.047
- Các đối tượng khác	5.634.578.283	5.634.578.283	3.989.169.916	3.989.169.916
Dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết theo mục 32.3	62.740.734.546	62.740.734.546	33.286.782.027	33.286.782.027
	50.645.004.592	50.645.004.592	11.455.447.975	11.455.447.975

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	766.459.322	17.615.733.594	17.522.745.234	859.447.682
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	80.514.876	80.514.876	-
- Thuế thụ nhập doanh nghiệp	2.011.169.726	3.736.431.468	4.566.658.146	1.180.943.047
- Thuế thu nhập cá nhân	599.356.682	816.840.042	1.001.218.679	414.978.045
- Các loại thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
	3.376.985.730	22.265.519.980	23.187.136.935	2.455.368.774

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	222.903.577	6.671.934.028	6.892.125.296	443.094.845
	222.903.577	6.671.934.028	6.892.125.296	443.094.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	405.066.620.293	405.066.620.293	851.889.173.867	821.369.200.075	374.546.646.501
Vay ngắn hạn	399.768.371.197	399.768.371.197	846.578.018.106	814.912.205.008	368.102.558.099
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	144.739.830.334	144.739.830.334	267.821.451.785	247.575.057.482	124.493.436.031
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	74.532.263.023	74.532.263.023	167.382.154.594	165.793.301.261	72.943.409.690
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	84.628.786.563	84.628.786.563	129.978.883.467	122.165.103.167	76.815.006.263
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	95.867.491.277	95.867.491.277	281.395.528.260	279.378.743.098	93.850.706.115
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	4.457.952.000	4.457.952.000	4.457.952.000	5.914.235.770	5.914.235.770
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	172.800.000	172.800.000	172.800.000	832.800.000	832.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (7)	835.392.000	835.392.000	835.392.000	1.452.742.000	1.452.742.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	-	178.933.768	178.933.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (8)	3.449.760.000	3.449.760.000	3.449.760.000	3.449.760.002	3.449.760.002
Nợ thuê tài chính (6)	840.297.096	840.297.096	853.203.761	542.759.297	529.852.632
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	840.297.096	840.297.096	853.203.761	542.759.297	529.852.632

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đơn vị tính: VND

Nội dung	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.020.725.840	6.020.725.840	1.504.960.000	5.395.769.599	9.911.535.439	9.911.535.439
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	3.687.408.000	3.687.408.000	-	4.457.952.000	8.145.360.000	8.145.360.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (7)	208.888.000	208.888.000	-	835.392.000	1.044.280.000	1.044.280.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	28.800.000	28.800.000	-	172.800.000	201.600.000	201.600.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (8)	3.449.720.000	3.449.720.000	-	3.449.760.000	6.899.480.000	6.899.480.000
Nợ thuê tài chính (6)	2.333.317.840	2.333.317.840	1.504.960.000	937.817.599	1.766.175.439	1.766.175.439
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	2.333.317.840	2.333.317.840	1.504.960.000	937.817.599	1.766.175.439	1.766.175.439
	411.087.346.133	411.087.346.133	853.394.133.867	826.764.969.674	384.458.181.940	384.458.181.940

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 66/2020-HDCVHM/NHCT944-SONHA ngày 07/09/2020 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 07/09/2020 đến ngày 31/08/2021;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố số 40-2015/HDCCCP/PVH ngày 28/08/2015, hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 26/10/2015, hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 02/11/2015, hợp đồng thế chấp số 236/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 237/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC ngày 14/03/2017, hợp đồng thế chấp số 124/HĐTC ngày 14/06/2017, hợp đồng thế chấp số 130/HĐTC ngày 20/07/2017 và hợp đồng cầm cố số 144/2019/HĐBĐ/NHCT944-LEHOANGHA ngày 21/11/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/7015218/HDTD ngày 27/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 27/08/2021;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 04/TTD-0001/KHDN/17NH ngày 10/06/2020 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 23/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
- (4) Hợp đồng tín dụng số 114/2019-HDCVHM/NHCT482-SONHA ký ngày 25/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng; - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 27/11/2019 đến 22/11/2020;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 của khoản vay này là 95.867.491.277 đồng, và đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này được thay thế bởi:
- Hợp đồng tín dụng số 24/2021-HDCVHM/NHCT482-SONHA ký ngày 15/03/2021 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng; - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 15/03/2021 đến 15/03/2022;
 - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2017/HĐTC-KHDN ngày 09/08/2017; Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081/2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 109/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 21/12/2018; Hợp đồng thế chấp động sản số 108/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 21/12/2018; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 110/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 25/12/2018; Hợp đồng thế chấp động sản số 111/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 25/12/2018; Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ngày 05/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (5)
- Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
 - Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

- (6)
- Thuế tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

Thuế tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 96.20.03/CTTC ngày 29/07/2020 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM để thuê Xe Ford Everest Titanium và xe Ranger XLS AT 2.2L nhằm mục đích phục vụ hoạt động chung của công ty. Lãi suất áp dụng từ thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

- (7)
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2017 – HDTD/NHCT944-SONHASG ngày 14/03/2017 và phụ lục số 1 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 12 xe tải mui hiệu VEAM-VT260;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
 - Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HDTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và Ngân hàng.

- (8)
- Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 206/2018-HDDCVDADT/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai với các điều khoản sau:

- Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng;
- Phương thức cho vay: Cho vay theo từng lần;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án đối với hạng mục thi công xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng và các hạng mục phụ trợ (thuộc hạng mục xây dựng);
- Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản Nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty đã ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	275.792.000.000	(250.000.000)	8.175.955.129	67.309.929.764	351.027.884.893	-	-	30.854.737.802	30.854.737.802	(42.002.845.267)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.148.271.600	(44.151.116.867)	(2.148.271.600)	(358.045.267)	(13.789.600.000)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.148.271.600	-	-	-	-	(308.547.377)	(308.547.377)	(308.547.377)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(9.101.136.000)	(9.101.136.000)	(9.101.136.000)
+ Trả có tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
+ Chia có tức bằng phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	(15.168.560.000)	(15.168.560.000)	(15.168.560.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018	27.579.200.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2019	303.371.200.000	(250.000.000)	10.324.226.729	54.013.550.699	367.458.977.428	303.371.200.000	(250.000.000)	54.013.550.699	367.458.977.428	367.458.977.428
01/01/2020	303.371.200.000	(250.000.000)	10.324.226.729	54.013.550.699	367.458.977.428	-	-	25.188.101.232	25.188.101.232	(9.685.683.377)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.851.284.268	(26.705.527.645)	(1.851.284.268)	(308.547.377)	(308.547.377)
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	-	(9.101.136.000)	(9.101.136.000)	(9.101.136.000)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.851.284.268	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	(276.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	1.851.284.268	-	-	-	-	(15.168.560.000)	(15.168.560.000)	(15.168.560.000)
+ Chia có tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019	15.168.560.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia có tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2020	318.539.760.000	(250.000.000)	12.175.510.997	52.496.124.286	382.961.395.283	318.539.760.000	(250.000.000)	52.496.124.286	382.961.395.283	382.961.395.283

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	47.722.750.000	45.450.240.000
Ông Lê Hoàng Hà	27.424.320.000	26.118.400.000
Các Cổ đông khác	243.392.690.000	231.802.560.000
	318.539.760.000	303.371.200.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	303.371.200.000	275.792.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	15.168.560.000	27.579.200.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	318.539.760.000	303.371.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	26.705.527.646	44.151.116.867

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020. Theo Nghị quyết, tỷ lệ trả cổ tức tương đương 8%/ mệnh giá (trong đó 3% bằng tiền mặt, 5% bằng cổ phiếu), đối với cổ đông phổ thông, tỷ lệ chia cổ phiếu là 100:05.

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.853.976	30.337.120
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.853.976	30.337.120
+ Cổ phiếu phổ thông	31.853.976	30.337.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.853.976	30.337.120
+ Cổ phiếu phổ thông	31.853.976	30.337.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.175.510.997	10.324.226.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	969.397.452.767	901.397.925.107
	<u>969.397.452.767</u>	<u>901.397.925.107</u>
Doanh thu với các bên liên quan chi tiết tại mục 32.3	4.825.639.745	11.824.732.400

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	34.689.609.626	29.109.083.195
Giảm giá hàng bán	-	5.763.980.901
Hàng bán bị trả lại	407.154.824	2.491.311.251
	<u>35.096.764.450</u>	<u>37.364.375.347</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	792.628.160.933	729.974.679.519
	<u>792.628.160.933</u>	<u>729.974.679.519</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.012.577	116.068.177
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.782.585	5.781.423
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.966.150.303	2.754.611.100
	<u>3.067.945.465</u>	<u>2.876.460.700</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	25.753.403.830	25.281.119.974
Chiết khấu thanh toán	-	848.299
Lãi trả chậm	-	27.109.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	554.828.205	198.463.425
Chi phí tài chính khác	-	86.181.496
	26.308.232.035	25.593.722.900

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	24.911.091.308	20.919.526.085
Chi phí nhân viên	8.335.011.970	7.353.808.597
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	368.487.355	579.102.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.938.460.297	2.876.674.345
Chi phí dự phòng	412.682.012	24.337.716
Chi phí thuế	5.000.000	9.641.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.627.736.714	3.578.781.695
Chi phí quản lý khác	4.223.712.960	6.497.179.627
Các khoản chi phí bán hàng	64.460.757.987	56.508.994.781
Chi phí nhân viên	41.940.302.671	33.999.217.985
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.772.154.711	3.199.729.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.425.802.494	4.352.828.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.377.818.349	4.694.892.111
Chi phí bán hàng khác	10.944.679.762	10.262.326.938
	89.371.849.295	77.428.520.866

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	62.272.388
Thu tiền cho thuê tài sản	191.207.910	159.443.880
Các khoản khác	902.410.524	1.824.038.987
	1.093.618.434	2.045.755.255

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	-	98.593.304
Lỗ thanh lý tài sản cố định	1.447.331.820	-
Các khoản chi phí khác	245.736.454	74.271.533
	1.693.068.274	172.864.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.460.941.679	35.785.977.593
Các khoản chi phí không được khấu trừ	865.571.874	4.030.852.253
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	466.620.883	418.876.799
- Các khoản chi phí (phạt)	232.951.991	13.400.000
- Lương năm 2018 chưa thanh toán đến 31/03/2019	-	59.988.341
- Chi phí lãi vay vượt mức khống chế	-	3.535.008.808
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	165.999.000	3.578.305
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(648.733.219)	(958.804.971)
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	(648.733.219)	(958.804.971)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	29.975.246.772	40.775.634.816
Trong đó:		
- Lợi nhuận chịu thuế 5%	33.874.241.738	20.452.666.389
- Lợi nhuận chịu thuế 20%	13.264.221.682	20.322.968.426
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.346.556.423	5.087.227.005
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(463.591.021)	(77.993.607)
Chi phí thuế TNDN phải trả	-	-
Điều chỉnh giảm thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(146.533.934)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.736.431.468	5.009.233.398

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	295.945.726	162.341.093
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bán cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chưa bán ra bên ngoài	9.711.321.469	973.919.565
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.007.267.195	1.136.260.658
Trong đó:		
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	295.945.726	162.341.093
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 5%	9.711.321.469	973.919.565
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(544.755.218)	(81.164.197)
Thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	81.164.197	3.170.590
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(463.591.021)	(77.993.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

29.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.188.101.232	30.854.737.802
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	308.547.377
Chi thù lao HĐQT, BKS		276.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (**)	30.403.431	27.964.553
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (***)	828	1.082

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

(**) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020. Cổ phiếu tăng thêm được chính thức niêm yết vào ngày 15/12/2020.

(***) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2019 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 là 1.092 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 trước điều chỉnh là 1.103 VND/CP).

29.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	30.337.120	27.579.200
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	1.516.856	2.757.920
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	30.403.431	27.964.553

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	227.594.952.796	221.373.472.905
Chi phí nhân công	57.393.218.730	48.371.031.305
Khấu hao tài sản cố định	13.197.952.029	13.712.083.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.002.259.258	10.891.386.300
Chi phí bằng tiền khác	15.887.864.492	17.052.746.509
	330.076.247.305	311.400.720.289

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
+ USD	29.066,88	102,88

32.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	-	-
- Góp vốn bằng tài sản cố định	-	-
- Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền	-	-
Số tiền đi vay thực thu trong năm	566.675.523.675	781.098.471.623
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	566.675.523.675	781.098.471.623
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	537.986.011.107	738.520.823.247
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	537.986.011.107	738.520.823.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2020 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	631.265.000	595.660.000
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	441.265.000	441.002.000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	190.000.000	154.658.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
1. Chủ Tịch: Lê Hoàng Hà	60.000.000	60.000.000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	36.000.000	36.000.000
3. Thành Viên: Nguyễn Văn Thuận	36.000.000	36.000.000
4. Thành Viên: Lê Văn Thành	36.000.000	36.000.000
5. Thành Viên: Lê Thị Thu Thủy	36.000.000	36.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	156.316.209	231.412.740
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.716.214	9.198.200
Đi thuê tài sản	111.039.995	121.134.540
Bán hàng hóa	40.560.000	101.080.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	-	11.723.652.400
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	11.723.652.400
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	9.738.448.755	47.971.336.064
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	32.822.206	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.704.664.734	47.971.336.064
Chi phí bảo hành	961.815	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	153.385.095.888	159.136.422.853
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	153.278.618.150	156.222.367.873
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	181.818	-
Chiết khấu thanh toán	-	2.754.611.100
Cho thuê tài sản	106.295.920	159.443.880
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	8.297.808.571	9.637.410.258
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	27.366.508	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	8.270.192.063	9.637.410.258
Chi phí dịch vụ	250.000	-
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	456.576.129.278	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	451.614.470.065	-
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.724.709.213	-
Cho thuê tài sản	236.950.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng	11.460.366.246	7.522.386.374
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	2.676.711.125
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	8.130.788.872	-
- Công ty Cổ phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	4.845.675.249
Phải trả nhà cung cấp	50.645.004.592	11.455.447.975
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	260.127.137	133.248.000
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2.176.307.780	5.924.414.668
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	7.911.736.059	5.168.685.260
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	545.308.307	229.100.047
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	39.751.525.309	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2020	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	511.562.786.956	422.737.901.361	934.300.688.317
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511.562.786.956	422.737.901.361	934.300.688.317
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	121.139.527.943	20.532.999.441	141.672.527.384
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(89.371.849.295)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			52.300.678.089
Doanh thu hoạt động tài chính			3.067.945.465
Chi phí tài chính			(26.308.232.035)
Thu nhập khác			1.093.618.434
Chi phí khác			(1.693.068.274)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.736.431.468)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			463.591.021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			25.188.101.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2019	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	406.139.768.868	457.893.780.892	864.033.549.760
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	406.139.768.868	457.893.780.892	864.033.549.760
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	112.701.500.505	21.357.369.736	134.058.870.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(77.428.520.866)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			56.630.349.375
Doanh thu hoạt động tài chính			2.876.460.700
Chi phí tài chính			(25.593.722.900)
Thu nhập khác			2.045.755.255
Chi phí khác			(172.864.837)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.009.233.398)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			77.993.607
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			30.854.737.802

32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

32.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập